

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT  
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **121/2021/HS-ST**

Ngày: 08-6-2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Lệ Quyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Dương Hải Long;

Ông Nguyễn Minh Sơn.

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hương – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 105/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2021/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn T**; sinh ngày 10 tháng 8 năm 1990; nơi sinh: Thừa Thiên Huế; Hộ khẩu thường trú: Thôn X, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi ở: 23 đường M, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: làm nhôm kính; trình độ văn hoá (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần M, sinh năm 1943 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1945; có vợ: Võ Thị Bích N, sinh năm 1991 và có 02 con, sinh năm 2010 và 2012; tiền án, tiền sự: không; bị bắt theo quyết định truy nã số 6/CSĐT ngày 12/7/2019, tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/02/2021; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ.(có mặt)

***-Bị hại:*** Chị Huỳnh Hà Thúy L, sinh năm: 1999; nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)

***- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*** Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1985; nơi cư trú: 37G đường C, phường F, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn T có quan hệ tình cảm với chị Huỳnh Hà Thúy L. Ngày 23/11/2018, T đến phòng trọ của chị L tại địa chỉ 78C đường T, phường I, thành phố Đ hỏi mượn chị L chiếc xe mô tô hiệu Honda Blade, màu đen đỏ vàng, biển số: 49E1 – 35.... để đi công việc thì chị L đồng ý và giao xe cho T. Sau đó, do thiếu tiền tiêu xài và trả tiền thuê nhà trọ, T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe này của chị L. Thực hiện ý định, T mang chiếc xe mô tô nói trên của chị L đi cầm cố tại tiệm cầm đồ TH lấy số tiền 10.000.000 đồng. Sau đó mấy ngày, T mang chiếc xe của chị L đến tiệm sửa xe Đ ở đường N, phường B, thành phố Đ bán chiếc xe nói trên cho chủ tiệm là anh Nguyễn Văn Đ được số tiền 13.500.000 đồng rồi bỏ trốn và tiêu xài hết số tiền này.

*Vật chứng thu giữ:* 01 xe mô tô hiệu Honda Blade, màu đen đỏ vàng, biển số: 49E1 – 35.... Tại Bản kết luận định giá tài sản số 138 ngày 23/01/2019 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Đ xác định chiếc xe mô tô nói trên trị giá 12.415.000 (*Mười hai triệu bốn trăm mười lăm nghìn*) đồng. Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại chiếc xe trên cho chị L. Chị L đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Trong vụ án này, có anh Nguyễn Văn Đ là người đã mua chiếc xe mô tô nói trên của T. Quá trình điều tra xác định khi mua chiếc xe này anh Đ không biết xe do T phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xử lý đối với anh Đ. Bị cáo T đã tác động gia đình bồi thường cho anh Đ số tiền 13.500.000 (*Mười ba triệu năm trăm nghìn*) đồng, anh Đ không có yêu cầu gì thêm.

Cáo trạng số 110/CT-VKSĐL ngày 28/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi mà mình đã thực hiện đúng như nội dung cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo, không có nội dung gì thay đổi. Bị cáo thống nhất và không thắc mắc gì về nội dung bản cáo trạng, không thắc mắc khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản, các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng trình bày luận tội, tranh luận đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo T về tội danh và điều luật áp dụng như nội dung cáo trạng số 110/CT-VKSĐL ngày 28/4/2021. Qua phân tích đánh giá tính chất mức độ về hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đề nghị tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 09 - 12 tháng tù.

Bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo ăn năn hối cải, xin lỗi người bị hại, xin lỗi gia đình bị cáo, cam đoan không tái phạm và vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại chị L và người liên quan anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên xét thấy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại và những người tham gia tố tụng khác, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định: Vì mục đích tư lợi cá nhân, lợi dụng sự quen biết và tin tưởng của chị Huỳnh Hà Thúy L, ngày 23/11/2018, bị cáo Trần Văn T đến phòng trọ của chị L tại địa chỉ 78C đường T, phường I, thành phố Đ, mượn của chị L 01 xe mô tô hiệu Honda Blade, màu đen đỏ vàng, biển số: 49E1 – 35... trị giá 12.415.000 (*Mười hai triệu bốn trăm mười lăm nghìn*) đồng để sử dụng và được chị L đồng ý giao xe cho T. Sau khi nhận xe của chị L, do cần tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo T đã mang chiếc xe mượn được của chị L nói trên đi cầm cố rồi bán cho anh Nguyễn Văn Đ lấy tiền tiêu xài và bỏ trốn. Hành vi của bị cáo Trần Văn T thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự mà Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tác tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo:

Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền 13.500.000 đồng cho người liên quan

anh Đ nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về quyết định hình phạt: Xét thấy bị cáo là người đã thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm nhưng chỉ vì tư lợi cá nhân mà bị cáo đã cố ý thực hiện và chiếm đoạt tài sản của bị hại với giá trị 12.415.000 đồng là tương đối lớn. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo bỏ trốn và bị bắt theo lệnh truy nã đã gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng, thể hiện thái độ xem thường pháp luật của bị cáo. Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương, nên cần thiết xử phạt bị cáo hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất hành vi mà bị cáo đã gây ra, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thể hiện bị cáo là lao động tự do, không có việc làm ổn định và thường xuyên nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Trong vụ án này, có anh Nguyễn Văn Đ là người đã mua chiếc xe nói trên của bị cáo Thành, quá trình điều tra xác định khi mua xe thì anh Đ không biết chiếc xe do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không có cơ sở đề xử lý đối với anh Đ là đúng quy định.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản là chiếc xe mô tô nói trên cho bị hại chị Huỳnh Hà Thủy L. Gia đình bị cáo đã bồi thường cho anh Nguyễn Văn Đ số tiền 13.500.000 đồng. Chị L và anh Đ không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng: Xét thấy Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô hiệu Honda Blade, màu đen đỏ vàng, biển số: 49E1- 35... cho bị hại là đúng quy định.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

**2.** Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt Trần Văn T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 17/02/2021.

**3.** Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**4. Quyền kháng cáo:** Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại chị L và người liên quan anh Đ vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận:***

- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKS tỉnh Lâm Đồng;
- VKS TP. Đà Lạt;
- Công an TP. Đà Lạt;
- THADS TP. Đà Lạt;
- Sở tư pháp Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- BP theo dõi THA phạt tù;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Lệ Quyên**